| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN LÂM HÀ**<br>**TỈNH LÂM ĐỒNG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 34/2019/DS-ST
Ngày: 14/8/2019.
V/v: *"Tranh chấp về chia tài sản chung là quyền sử dụng đất".*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÂM HÀ, TỈNH LÂM ĐỒNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Nguyễn Văn Thanh**

*Các hội thẩm nhân dân:*

1. Bà **Trần Thị Hằng**.

2. Ông **Nguyễn Xuân Trường.**

- *Thư ký phiên tòa:* Ông **Phan Khắc Duy** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thị Vân Anh** – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 134/2017/TLST-DS ngày 18/10/2017 về: *"Tranh chấp về chia tài sản chung là quyền sử dụng đất"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2019/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 6 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 30/2019/QĐST-DS ngày 22 tháng 7 năm 2019, giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Vợ chồng ông Nguyễn Văn Kh, sinh năm 1954; bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1956. Địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện L, tỉnh Lâm Đồng.

*Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:* Ông Dương Đình N, sinh năm 1974, địa chỉ: Số 66 thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Lâm Đồng (theo văn bản ủy quyền lập ngày 12/4/2017).

*2. Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn K, sinh năm 1977. Địa chỉ: Thôn L, xã T, huyện L, tỉnh Lâm Đồng.

*3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Chị Nguyễn Thị Thanh Th, sinh năm 1979. Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Lâm Đồng.

- Chị Nguyễn Thúy K1, sinh năm 1980. Địa chỉ: Thôn P, xã T, huyện L, tỉnh Lâm Đồng.

- Chị Nguyễn Thị Ng, sinh năm 1990. Địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện L, tỉnh Lâm Đồng.

- Chị Nguyễn Thị A, sinh năm 1983. Địa chỉ: Thôn L, xã T, huyện L, tỉnh Lâm Đồng.

- Anh Hoàng Minh K2, sinh năm 1981. Địa chỉ: Thôn P, xã T, huyện L, tỉnh Lâm Đồng.

*(Ông N có mặt; chị Th, chị Ng vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt; các đương sự còn lại vắng mặt không có lý do).*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Dương Đình N trình bày:*

Vào ngày 11 tháng 6 năm 2001, gia đình ông Nguyễn Văn Kh, bà Nguyễn Thị Th được UBND huyện Lâm Hà cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T 184876 đứng tên hộ ông bà: Nguyễn Văn Kh với diện tích 31.937m$^2$, thửa đất 49, 153, 154, 13, tờ bản đồ số 12, tọa lạc tại thôn P, xã T, huyện L, tỉnh Lâm Đồng.

Tại thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hộ gia đình ông Kh gồm có 06 thành viên gồm: Vợ chồng ông Nguyễn Văn Kh, bà Nguyễn Thị Th và bốn người con gồm: anh Nguyễn Văn K, chị Nguyễn Thị Thanh Th, chị Nguyễn Thúy K1 và chị Nguyễn Thị Ng.

Hiện nay ông Kh, bà Th và ông K không thể thỏa thuận với nhau về việc phân chia tài sản chung của hộ gia đình là quyền sử dụng diện tích đất nêu trên. Nên vợ chồng ông Kh, bà Th đã làm đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà giải quyết về việc phân chia tài sản chung của hộ gia đình.

Theo kết quả đo đạc ngày 01/02/2018 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện L thì diện tích đất yêu cầu chia nói trên có diện tích là 33.553m$^2$, thuộc các thửa 189, 181, 190, thuộc tờ bản đồ số 23; thửa 4, 8, thuộc tờ bản đồ số 33 (tờ bản đồ đo đạc năm 2011) xã T, huyện L. Ngoài ra, nguyên đơn không có ý kiến, yêu cầu nào khác.

*Bị đơn anh Nguyễn Văn K trình bày:* Vào ngày 11/6/2001, gia đình anh (gồm cha là ông Nguyễn Văn K, mẹ là bà Nguyễn Thị Th, các em là chị Nguyễn Thị Thanh Th, chị Nguyễn Thúy K1, chị Nguyễn Thị Ng) được UBND huyện L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số sổ T 184876 đối với diện tích 31.937m$^2$, thửa đất 49, 153, 154, 13, tờ bản đồ số 12, xã T, huyện L, khi đó anh chưa kết hôn. Đến năm 2002 anh kết hôn thì ông Kh, bà Th cho anh diện tích đất khoảng 20.000m$^2$ trong số diện tích đất 31.937m$^2$ nói trên để canh tác, còn lại diện tích đất 11.937m$^2$ thì em gái anh là chị Nguyễn Thúy K1 sử dụng. Việc cha mẹ anh cho diện tích đất nói trên chỉ nói miệng, chưa làm thủ tục tặng cho theo quy định của pháp luật. Sau khi cho thì anh canh tác từ năm 2002 đến đầu năm 2017, ông Kh, bà Th yêu cầu anh chia tài sản. Do cha mẹ anh bán đất cho con rễ nên giữa anh và ông Kh, bà Th xảy ra mâu thuẫn cho đến nay. Vì mâu thuẫn nên ông Kh, bà Th thay đổi ý kiến và yêu cầu chia quyền sử dụng đất khoảng 20.000m$^2$ mà trước đây ông

Kh, bà Th đã cho anh. Qua yêu cầu khởi kiện của ông Kh, bà Th thì anh tự nguyện trả lại toàn bộ diện tích đất khoảng 20.000m$^2$ nêu trên cho vợ chồng ông Kh, bà Th. Đối với phần diện tích đất mà anh được nhận theo quy định của pháp luật khi phân chia tài sản chung của hộ thì anh cũng từ chối nhận. Ngoài ra, anh không trình bày và không yêu cầu gì thêm.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Thanh Th trình bày:*

Gia đình chị gồm có: Cha Nguyễn Văn Kh, mẹ Nguyễn Thị Th, anh cả là Nguyễn Văn K, chị (Nguyễn Thị Thanh Th), em là Nguyễn Thúy K1 và Nguyễn Thị Ng.

Năm 2001, gia đình chị được UBND huyện L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất đang có tranh chấp trong vụ án, nguồn gốc là do cha mẹ chị nhận chuyển nhượng, khi đó chị đủ 18 tuổi nhưng chị không có đóng góp gì trong khối tài sản. Sau khi nhận chuyển nhượng thì cha mẹ chị canh tác được khoảng 2-3 năm, sau đó cha mẹ cho ông K làm hơn 02 ha, còn chị K làm 01 ha. Ông K đã bỏ hoang diện tích đất hơn 02 ha nói trên được khoản 04-05 năm nay, còn diện tích đất 01 ha chị K1 vẫn đang canh tác và trồng mới lại cà phê.

Hiện nay giữa cha mẹ chị và ông K không thể thỏa thuận với nhau về việc phân chia tài sản chung của hộ gia đình là quyền sử dụng đất diện tích 31.937m$^2$ thì chị yêu cầu được nhận 01 phần đất mà chị được chia theo quy định của pháp luật. Ngoài ra, chị không trình bày gì thêm.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thúy K1 trình bày:*

Ngày 11/6/2001, gia đình chị (gồm cha Nguyễn Văn Kh, mẹ Nguyễn Thị Th, anh Nguyễn Văn K, chị Nguyễn Thị Thanh Th, chị Nguyễn Thúy K1, em Nguyễn Thị Ng) được UBND huyện Lâm Hà cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T 184876 đứng tên hộ ông Nguyễn Văn Kh với diện tích đất 31.937m$^2$, thuộc các thửa 49, 153, 154, 13, tờ bản đồ số 12 xã T, huyện L, tỉnh Lâm Đồng.

Năm 2002, cha mẹ chị (ông Kh, bà Th) hỏi chị là lấy 05m rộng theo mặt đường, dài hết hết đất tại thôn T, xã T hay lấy 01ha đất tại thôn P, xã T, thì chị xin nhận 01ha đất tại thôn P, xã T. Sau đó thì cha mẹ chị cho chị diện tích đất khoảng 10.000m$^2$ (chị không rõ thuộc thửa nào, thuộc một phần diện tích 31.937m$^2$), việc cha mẹ cho không có giấy tờ gì, không lập hợp đồng theo quy định của pháp luật. Còn ông K sử dụng phần đất còn lại là hơn 2ha. Khi cha mẹ tặng cho quyền sử dụng đất nói trên thì có mặt tất cả các thành viên trong gia đình chứng kiến và thống nhất, nhưng việc này gia đình cũng không lập biên bản, không ghi giấy tờ gì. Sau khi cha mẹ tặng cho, thì chị trực tiếp canh tác ổn định đến năm 2017, từ năm 2007 thì cha mẹ chị yêu cầu chị trả sản lượng cho cha mẹ chị là 200kg/năm cà phê Robusta và chị đã trả sản lượng từ năm 2007 cho đến nay.

Qua yêu cầu khởi kiện của của vợ chồng ông Kh, bà Th thì chị không đồng ý, chị yêu cầu được giữ nguyên 10.000m$^2$ đất mà cha mẹ chị đã cho, vì lý do vào năm 2002 cha mẹ chị và các thành viên trong gia đình đã thống nhất cho chị phần đất 10.000m$^2$ như đã nêu trên. Ngoài ra, chị không có ý kiến gì thêm.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Ng trình bày:* Chị thống nhất với lời trình bày của chị Nguyễn Thị Thanh Th về các thành viên trong hộ gia đình, về nguồn gốc đất tranh chấp. Qua yêu cầu khởi kiện của ông Kh, bà Th yêu cầu phân chia tài sản chung với ông K thì chị yêu cầu được nhận 01 phần đất mà chị được chia theo quy định của pháp luật.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị A trình bày:* Chị là vợ của ông K, là con dâu của vợ chồng ông Kh, bà Th. Chị kết hôn với ông K vào năm 2001, trong năm 2001 cha mẹ chồng chị có cho vợ chồng chị diện tích đất 22.000m$^2$ tại thôn P, xã P, huyện Lâm Hà (đất thuộc thửa nào, tờ bản đồ bao nhiêu thì chị không rõ). Khi cho thì cha mẹ chồng và các thành viên trong gia đình chỉ cho miệng chứ không lập hợp đồng tặng cho theo quy định của pháp luật, sau khi nhận đất thì vợ chồng chị trực tiếp cải tạo đất và canh tác sử dụng đến đầu năm 2018 thì không canh tác nữa vì có tranh chấp. Chị xác định là chị có công sức đóng góp cải tạo đất đối với phần đất khoảng 22.000m$^2$ đang có tranh chấp trong vụ án "Tranh chấp về chia tài sản chung là quyền sử dụng đất" giữa nguyên đơn vợ chồng ông Kh, bà Th và bị đơn ông K. Tuy nhiên, do ông Kh, bà Th khởi kiện yêu cầu chia phần đất nói trên gây nên mâu thuẫn gia đình, chồng chị (ông K) không muốn nhận tài sản, từ chối nhận tài sản. Do đó, đối với phần công sức đóng góp của chị trong khối tài sản nói trên chị cũng không có yêu cầu chia trong vụ án. Qua yêu cầu khởi kiện của ông Kh, bà Th thì chị không có ý kiến và không có yêu cầu gì trong vụ án. Đồng thời, chị xin được vắng mặt và từ chối tham gia tố tụng trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án. Ngoài ra, chị không yêu cầu và không trình bày gì thêm.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Hoàng Minh K2 trình bày:* Anh là chồng của chị K, là con rể của vợ chồng ông Kh, bà Th. Anh kết hôn với chị K vào năm 2001, đến năm 2002 cha mẹ vợ anh có cho vợ chồng anh diện tích đất khoảng 10.000m$^2$ tọa lạc tại thôn P, xã P, huyện L (hiện nay phần đất nói trên thuộc một phần thửa số 04 và một phần thửa số 189, tờ bản đồ số 12 xã T). Khi cho thì cha mẹ vợ anh chỉ nói miệng là cắt đất cho vợ chồng anh chứ không có giấy tờ gì, việc này có họp gia đình nhưng không có ghi văn bản. Sau khi nhận đất thì vợ chồng anh canh tác, quản lý và sử dụng ổn định đến nay. Khi nhận đất vào năm 2002, thì trên đất đã có cây cà phê nhưng cây xấu, không phát triển nên vợ chồng anh đã đào lên, đảo đất, san mặt bằng và trồng mới lại toàn bộ cà phê trên diện tích hơn 10.000m$^2$. Anh xác định là vợ chồng anh có trồng cà phê, có cải tạo đất và có công sức đóng góp làm tăng giá trị quyền sử dụng đất nói trên, hiện nay vợ chồng anh vẫn đang canh tác phần đất nói trên. Qua yêu cầu khởi kiện của vợ chồng ông Kh, bà Th thì anh không có yêu cầu gì liên quan đến tài sản đang tranh chấp trong vụ án nói trên. Nếu sau khi Tòa án giải quyết xong vụ án nói trên mà ông Kh, bà Th không thực hiện lời hứa tặng cho vợ chồng anh diện tích đất 10.000m$^2$ mà vợ chồng anh đang canh tác thì khi đó anh sẽ làm đơn khởi kiện trong một vụ án dân

sự khác để bảo vệ quyền lợi cho vợ chồng anh. Ngoài ra, anh không có yêu cầu nào khác và không trình bày gì thêm.

Quá trình giải quyết vụ án, ngày 16/4/2018, chị Th, chị K1 và chị Ng có đơn yêu cầu độc lập nộp cho Tòa án. Nội dung đơn, chị Th và chị Ng yêu cầu Tòa án giải quyết cho các chị mỗi người được nhận một phần tài sản trong khối tài sản ông Kh, bà Th yêu cầu chia là diện tích đất 33.553m$^2$ (chia đều cho 6 thành viên); còn chị K1 yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được giữ nguyên quyền sử dụng diện tích đất 10.000m$^2$ mà trước đây ông Kh, bà Th đã cho chị. Tuy nhiên, ngày 29/8/2018, chị Th và chị Ng có đơn xin rút yêu cầu độc lập; đến ngày 30/10/2018, chị K1 có đơn xin rút yêu cầu độc lập đã nộp.

*Tại phiên tòa* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà phát biểu: Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán đã thực hiện việc tuân theo pháp luật đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử và Thư ký tại phiên tòa thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

**[1] Về tố tụng:** Căn cứ khoản 2 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật là: *"Tranh chấp về chia tài sản chung là quyền sử dụng đất"* giữa nguyên đơn vợ chồng ông Nguyễn Văn Kh, bà Nguyễn Thị Th với bị đơn anh Nguyễn Văn K. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

Tại phiên tòa, ông K, chị K1, chị A và anh K2 vắng mặt đến lần thứ 02 mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ; Chị Th, chị Ng có đơn xin xét xử vắng mặt. Áp dụng Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là phù hợp.

**[2] Về nội dung:**

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vợ chồng ông Kh, bà Th yêu cầu Tòa án xác định diện tích 31.937m$^2$, gồm các thửa đất 49, 153, 154, 13, tờ bản đồ số 12 (đo đạc năm 1998), tọa lạc tại thôn P, xã T, huyện L, tỉnh Lâm Đồng. Theo kết quả đo đạc ngày 01/02/2018 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện L thì phần đất nói trên có diện tích là 33.553m$^2$, thuộc các thửa 189/17.999m$^2$ (CLN), thửa 181/885m$^2$ (AO), thửa 190/432m$^2$ (AO), thuộc tờ bản đồ số 23; thửa 04/13.620m$^2$, (gồm 400m$^2$ ODT và 13.220m$^2$ CLN), thửa 08/617m$^2$ (CLN, thuộc quy hoạch lộ giới), thuộc tờ bản đồ số 33 (tờ bản đồ đo đạc năm 2011) xã T, huyện L là tài sản chung của hộ và chia cho 06 thành viên gồm: ông Kh, bà Th và 04 người con là ông K, chị Th, chị K1 và chị Ng.

[2.1] Qua xác minh tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện L thì nguyên nhân biến động tăng diện tích từ 31.937m$^2$ lên 33.553m$^2$ là do sai số bản đồ đo đạc năm 1998 chưa đúng với hiện trạng sử dụng, ranh giới ông Kh, bà Th sử dụng ổn định, không có thay đổi gì về ranh giới.

[2.2] Nguồn gốc diện tích đất các đương sự đang có tranh chấp qua xác minh thì Hộ ông Nguyễn Văn Kh được UBND huyện L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gồm các thửa đất số: 13, 49, 153, 154 tờ bản đồ số 12 (đo đạc năm 1998), tọa lạc tại thôn P, xã T, huyện L, tỉnh Lâm Đồng cấp cho hộ ông Kh vào ngày 11/6/2001 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T 184876. Qua xác minh tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện L thì hiện nay hồ sơ cấp đất cho hộ ông Nguyễn Văn Kh đã bị thất lạc nên Tòa án không thể thu thập được. Còn theo vợ chồng ông Kh bà Th thì nguồn gốc diện tích đất này do vợ chồng ông bà tự khai phá khoảng năm 1980 và sử dụng ổn định đến năm 2001 thì đi đăng ký kê khai và được UBND huyện Lâm Hà cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Thời điểm khai phá thì vợ chồng ông bà làm là chủ yếu vì lúc đó ông K, chị Th chị K1 và chị Ng còn nhỏ. Trong quá trình canh tác sử dụng đến năm 2002 ông Kh, bà Th giao cho ông K sử dụng diện tích 23.644m$^2$ gồm: 10.233m$^2$ thuộc một phần thửa số 04, diện tích 12.297m$^2$ thuộc một phần thửa 189, diện tích 267m$^2$ thuộc một phần thửa 181, diện tích 432m$^2$ thuộc một phần thửa 190, diện tích 415m$^2$ thuộc một phần thửa 08 (thuộc đất lộ giới). Còn vợ chồng chị K1, anh K2 sử dụng diện tích 9.909m$^2$ gồm: diện tích 3.387m$^2$ thuộc một phần thửa 04, diện tích 5.448m$^2$ và diện tích 254m$^2$ thuộc một phần thửa 189, diện tích 618m$^2$ thuộc một phần thửa 181 và diện tích 202m$^2$ thuộc một phần thửa 08 (thuộc đất lộ giới).

[2.3] Phần diện tích đất ông K sử dụng đã bị bỏ hoang trên đất có cây cà phê, sầu riêng và cây cà ri nhưng do cây không được chăm sóc nên đã bị chết hoặc hư hỏng không có giá trị. Ngoài ra còn có 01 căn nhà xây diện tích sử dụng 20m$^2$ kết cấu móng đá chẻ, nền xi măng, mái lợp tôn, tường xây gạch không tô, cửa gỗ. Qua yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì vợ chồng ông K, chị Ánh đồng ý trả lại phần diện tích vợ chồng ông Kh, bà Th đã giao cho vợ chồng ông K, chị Ánh sử dụng đồng thời ông K từ chối nhận phần tài sản được chia theo quy định của pháp luật. Đối với giá trị tài sản trên đất vợ chồng ông K, chị A không có yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét, sau này nếu các bên có tranh chấp sẽ được được xem xét giải quyết bằng một vụ án dân sự khác.

[2.4] Qua xác minh về nhân khẩu tại Công an huyện L thì sổ hộ khẩu gia đình ông Kh bao gồm: Chủ hộ là ông Nguyễn Văn Kh, sinh năm 1954; bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1956; con là Nguyễn Văn K, sinh năm 1977; Nguyễn Thị Thanh Th, sinh năm 1979; Nguyễn Thúy K, sinh năm 1980 và chị Nguyễn Thị Ng, sinh năm 1990. Năm 2012 hộ ông Kh đã làm thủ tục đổi sổ hộ khẩu mới thì có ông Kh, bà Th, ông K và chị Ng, còn chị Th và chị K1 đã lập gia đình nên đã cắt hộ khẩu riêng.

[2.5] Tại thời điểm được UBND huyện L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2001 thì hộ gia đình ông Kh gồm 06 thành viên: Chủ hộ là ông Nguyễn Văn Kh, bà Nguyễn Thị Th, con là Nguyễn Văn K, Nguyễn Thị Thanh Th, Nguyễn Thúy K, và chị Nguyễn Thị Ng. Đồng thời các bên đương sự đều xác nhận diện tích đất trên là tài sản chung của tất cả các thành viên trong hộ gia đình. Nhưng ông K, chị K1, chị Th và chị Ng đều đồng ý với việc ông Kh, bà Th để nghị chia tài sản chung của hộ theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, ông K, chị K1, chị Th và chị Ng đều từ chối nhận phần tài sản được chia mà thống nhất giao toàn bộ tài sản trên cho vợ chồng ông Kh, bà Th quản lý và sử dụng. Xét thấy, việc từ chối của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật nên cần xác định diện tích là 33.553m$^2$, gồm các thửa 189/17.999m$^2$ (CLN), thửa 181/885m$^2$ (AO), thửa 190/432m$^2$ (AO), thuộc tờ bản đồ số 23; thửa 04/13.620m$^2$, (gồm 400m$^2$ ODT và 13.220m$^2$ CLN), thửa 08/617m$^2$ (CLN, thuộc quy hoạch lộ giới), thuộc tờ bản đồ số 33 (tờ bản đồ đo đạc năm 2011) xã Tân Hà, huyện Lâm Hà và toàn bộ tài sản trên đất là tài sản chung của ông Kh, bà Th, ông K, chị Th, chị K1 và chị Ng. Giao toàn bộ diện tích đất trên cho vợ chồng ông Kh, bà Th quản lý và sử dụng là phù hợp.

[2.6] Đối với diện tích 617m$^2$ thuộc thửa 08 (CLN) thuộc tờ bản đồ số 33 (tờ bản đồ đo đạc năm 2011) xã T, huyện L. Đất thuộc quy hoạch lộ giới đã được UBND huyện L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Kh. Giao cho ông Kh, bà Th được tiếp tục sử dụng nhưng phải chấp hành việc xử lý hoặc thu hồi khi có quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

[2.7] Theo kết quả định giá tài sản ngày 06/3/2018 thì quyền sử dụng đất có giá trị là 3.985.774.400đ, trên phần diện tích đất vợ chồng chị K1, anh K2 sử dụng anh K2, chị K1 có trồng: 800 cây cà phê catimor, 1.050 cây cà phê Rôbusta, 11 cây bơ có giá trị là 120.145.000đ.

[3] *Đối với yêu cầu độc lập của chị Nguyễn Thúy K, chị Nguyễn Thị Thanh Th và chị Nguyễn Thị Ng:*

Trong quá trình giải quyết vụ án, ngày 16/4/2018, chị Th, chị K1 và chị Ng có đơn yêu cầu độc lập nộp cho Tòa án đến ngày 29/8/2018, chị Th và chị Ng có đơn xin rút yêu cầu độc lập. Cần đình chỉ xét xử đối với yêu cầu độc lập về việc yêu cầu chia tài sản chung của chị Nguyễn Thị Thanh Th và Nguyễn Thị Ng là phù hợp. Đến ngày 30/10/2018, chị K1 có đơn xin rút yêu cầu độc lập đã nộp để các bên đương sự tự thỏa thuận giải quyết với nhau và không có yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét. Sau này nếu các bên đương sự có tranh chấp sẽ được được xem xét giải quyết bằng một vụ án dân sự khác.

[4] *Về chi phí tố tụng:* Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn tự nguyện nhận chịu toàn bộ số tiền chi phí đo đạc, thẩm định và định giá tài sản là 29.498.492đ (số tiền này nguyên đơn đã nộp đủ và đã được quyết toán xong).

[5] *Về án phí:* Do ông Kh (sinh năm 1954), bà Th (sinh năm 1956) đều là người cao tuổi và ông Kh bà Th có đơn xin miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm có xác nhận của chính quyền địa phương nên miễn tiền án phí Dân sự sơ thẩm cho vợ chồng ông Kh, bà Th là phù hợp.

[5.1] Chị Th và chị Ng có đơn xin rút yêu cầu độc lập nên hoàn trả tiền tạm ứng án phí mà chị Th và chị Ng đã tạm nộp là phù hợp.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 2 Điều 147; Điều 165; Điều 217, Điều 218, Điều 219; Điều 227, Điều 228 và khoản 2 Điều 266 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 118 Bộ luật Dân sự năm 1995;

- Căn cứ Điều 212; Điều 219 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 179 Luật đất đai năm 2013;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vợ chồng ông Nguyễn Văn Kh, bà Nguyễn Thị Th.

Xác định diện tích 32.936m$^2$, thuộc các thửa 189/17.999m$^2$ (CLN), thửa 181/885m$^2$ (AO), thửa 190/432m$^2$ (AO), thuộc tờ bản đồ số 23; thửa 04/13.620m$^2$, (gồm 400m$^2$ ODT và 13.220m$^2$ CLN), thuộc tờ bản đồ số 33 (tờ bản đồ đo đạc năm 2011) xã T, huyện L là tài sản chung của hộ gia đình ông Nguyễn Văn Kh gồm ông Nguyễn Văn Kh, bà Nguyễn Thị Th và các con là anh Nguyễn Văn K, chị Nguyễn Thị Thanh Th, chị Nguyễn Thúy K1 và chị Nguyễn Thị Ng. Đồng thời giao toàn bộ diện tích đất trên cho vợ chồng ông Nguyễn Văn Kh bà Nguyễn Thị Th quản lý, sử dụng và được sở hữu toàn bộ tài sản trên đất gồm: 800 cây cà phê catimor, 1.050 cây cà phê Rôbusta, 11 cây bơ và 01 căn nhà xây có diện tích sử dụng 20m$^2$ kết cấu móng đá chẻ, nền xi măng, mái lợp tôn, tường xây gạch không tô, cửa gỗ.

Đối với diện tích 617m$^2$ thuộc thửa 08 (CLN) thuộc tờ bản đồ số 33 (tờ bản đồ đo đạc năm 2011) xã T, huyện L. Đất thuộc quy hoạch lộ giới đã được UBND huyện Lâm Hà cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Kh. Giao cho ông Kh, bà Th được tiếp tục sử dụng nhưng phải chấp hành việc xử lý hoặc thu hồi khi có quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Vợ chồng ông Nguyễn Văn Kh, bà Nguyễn Thị Th có trách nhiệm liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo đúng diện tích và tên người sử dụng theo quy định của pháp luật.

2. Đình chỉ yêu cầu độc lập về việc yêu cầu chia tài sản chung của chị Nguyễn Thị Thanh Th và Nguyễn Thị Ng.

*3. Về chi phí tố tụng:* Vợ chồng ông Nguyễn Văn Kh, bà Nguyễn Thị Th phải chịu toàn bộ số tiền chi phí đo đạc, thẩm định và định giá tài sản là 29.498.492đ (Hai mươi chín triệu bốn trăm chín mươi tám nghìn bốn trăm chín mươi hai đồng), (số tiền này vợ chồng ông Nguyễn Văn Kh, bà Nguyễn Thị Th đã nộp đủ và đã được quyết toán xong).

*4. Về án phí:* Miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm cho vợ chồng ông Nguyễn Văn Kh, bà Nguyễn Thị Th. Hoàn trả cho vợ chồng ông Nguyễn Văn Kh, bà Nguyễn Thị Th số tiền 3.333.000đ (Ba triệu ba trăm ba mươi ba nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí mà vợ chồng ông Nguyễn Văn Kh, bà Nguyễn Thị Th đã tạm nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003185 ngày 16/10/2017 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện L;

Hoàn trả cho chị Nguyễn Thị Thanh Th số tiền tạm ứng án phí đã dự nộp là 12.000.000đ (Mười hai triệu đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000506 ngày 11/5/2018 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện L.

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Ng số tiền tạm ứng án phí đã dự nộp là 12.000.000đ (Mười hai triệu đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000502 ngày 7/5/2018 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện L.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Đối với các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

*Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Lâm Đồng (02);
- VKSND huyện Lâm Hà;
- Chi cục THADS huyện Lâm Hà;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, BP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Văn Thanh**